

Số: **1795** /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày **03** tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường Đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng số 39/2013/QH 13 ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT ngày 31/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng trong ngành Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1515/QĐ-MĐC ngày 01/8/2016 của Hiệu trưởng về việc ban hành “Quy định đánh giá, phân loại và thi đua, khen thưởng”;

Theo đề nghị Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng Trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm học 2015 - 2016 cụ thể như sau:

- | | |
|--------------------------------|-----------|
| 1. Tập thể Lao động tiên tiến: | 65 đơn vị |
| 2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: | 98 người |
| 3. Lao động tiên tiến: | 356 người |
| 4. Giấy khen Hiệu trưởng: | 29 người |

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Kinh phí lấy từ nguồn phí, lệ phí năm 2016 thưởng cho các tập thể, cá nhân được công nhận ở Điều 1 theo các mức sau:

- | | |
|--------------------------------|----------------------|
| 1. Tập thể lao động tiên tiến: | 800.000 đồng/đơn vị |
| 2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: | 1.000.000 đồng/người |
| 3. Lao động tiên tiến: | 300.000 đồng/người |
| 4. Giấy khen Hiệu trưởng: | 200.000 đồng/người |

Tổng số tiền thưởng là: 262.600.000 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Tài vụ, các tập thể và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, TĐKT (Dương).

HIỆU TRƯỞNG



BẢNG KÊ CHI TIỀN THƯỞNG

(Kèm theo QĐ số /MĐC-TĐKT ngày tháng 10 năm 2016)

TT	Đơn vị	Tiền thưởng CSTĐ				Tiền thưởng LĐTT				Tiền thưởng GK Hiệu trưởng				TT LĐTT	Cộng	Ký nhân	
1	Phòng Bảo vệ					2	x	300.000	=	600.000					600.000		
2	Phòng Công tác chính trị - TT					1	x	300.000	=	300.000					300.000		
3	Phòng Công tác Sinh viên					4	x	300.000	=	1.200.000				800.000	2.000.000		
4	Phòng Đào tạo Đại học	1	x	1.000.000	=	1.000.000	3	x	300.000	=	900.000			800.000	2.700.000		
5	Phòng Đào tạo Sau đại học					2	x	300.000	=	600.000				800.000	1.400.000		
6	Phòng Hành chính - Tổng hợp					2	x	300.000	=	600.000					600.000		
7	Phòng KH, CN và HTQT	2	x	1.000.000	=	2.000.000	5	x	300.000	=	1.500.000			800.000	4.300.000		
8	Phòng Khảo thí và ĐBCLGD																
9	Phòng Quản trị - Thiết bị					2	x	300.000	=	600.000					600.000		
10	Phòng Tài vụ	1	x	1.000.000	=	1.000.000	3	x	300.000	=	900.000			800.000	2.700.000		
11	Phòng Tổ chức - Cán bộ	3	x	1.000.000	=	3.000.000	5	x	300.000	=	1.500.000			800.000	5.300.000		
12	Phòng Xuất bản																
13	Phòng Y tế					1	x	300.000	=	300.000					300.000		
14	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên					1	x	300.000	=	300.000					300.000		
15	Trung tâm NN - TH					2	x	300.000	=	600.000					600.000		
16	Trung tâm Phân tích, TNCNC																
17	Trung tâm Thông tin - TV					2	x	300.000	=	600.000					600.000		
18	Ban Quản lý các dự án					1	x	300.000	=	300.000					300.000		
19	Khoa Giáo dục quốc phòng																
	Bộ môn Đường lối quân sự					5	x	300.000	=	1.500.000			800.000		2.300.000		
	Kỹ thuật quân sự					2	x	300.000	=	600.000					600.000		
20	Khoa Đại học đại cương												800.000		800.000		
	Văn phòng khoa																
	Bộ môn Toán	1	x	1.000.000	=	1.000.000	12	x	300.000	=	3.600.000			800.000	5.400.000		
	Bộ môn Vật lý	2	x	1.000.000	=	2.000.000	11	x	300.000	=	3.300.000			800.000	6.100.000		
	Bộ môn Hoá học	3	x	1.000.000	=	3.000.000	9	x	300.000	=	2.700.000			800.000	6.500.000		
	Bộ môn Hình học					4	x	300.000	=	1.200.000			800.000		2.000.000		
	Bộ môn ngoại ngữ	1	x	1.000.000	=	1.000.000	4	x	300.000	=	1.200.000				2.200.000		
	Bộ môn cơ lý thuyết	1	x	1.000.000	=	1.000.000	4	x	300.000	=	1.200.000			800.000	3.000.000		
	Bộ môn Giáo dục thể chất	1	x	1.000.000	=	1.000.000	10	x	300.000	=	3.000.000			800.000	4.800.000		
21	Khoa Trắc địa												800.000		800.000		
	Văn phòng khoa																
	Bộ môn Trắc địa CT	5	x	1.000.000	=	5.000.000	6	x	300.000	=	1.800.000	1	x	200.000	200.000	800.000	7.800.000

	Bộ môn Trắc địa cao cấp	2 x	1.000.000	=	2.000.000	7 x	300.000	=	2.100.000					800.000	4.900.000
	Bộ môn Trắc địa Mỏ	3 x	1.000.000	=	3.000.000	5 x	300.000	=	1.500.000					800.000	5.300.000
	Bộ môn Địa chính	3 x	1.000.000	=	3.000.000	7 x	300.000	=	2.100.000					800.000	5.900.000
	Bộ môn Bản đồ	1 x	1.000.000	=	1.000.000	4 x	300.000	=	1.200.000	1 x	200.000	200.000		800.000	3.200.000
	B/m Trắc địa PT và sai số	2 x	1.000.000	=	2.000.000	7 x	300.000	=	2.100.000					800.000	4.900.000
	Tổ máy Trắc địa													800.000	800.000
	Bộ môn đo ảnh và viễn thám	4 x	1.000.000	=	4.000.000	8 x	300.000	=	2.400.000					800.000	7.200.000
22	Khoa Dầu Khí													800.000	800.000
	Văn phòng khoa DK														
	Bộ môn TB Dầu khí và CT	3 x	1.000.000	=	3.000.000	2 x	300.000	=	600.000					800.000	4.400.000
	Bộ môn Địa Vật lý	2 x	1.000.000	=	2.000.000	4 x	300.000	=	1.200.000					800.000	4.000.000
	Bộ môn Khoan khai thác	2 x	1.000.000	=	2.000.000	7 x	300.000	=	2.100.000					800.000	4.900.000
	Bộ môn Địa chất Dầu khí	2 x	1.000.000	=	2.000.000	3 x	300.000	=	900.000					800.000	3.700.000
	Bộ môn Lọc hoá dầu	4 x	1.000.000	=	4.000.000	4 x	300.000	=	1.200.000					800.000	6.000.000
23	Khoa Khoa học và KT Địa chất													800.000	800.000
	VP khoa & bảo tàng					2 x	300.000	=	600.000						600.000
	Bộ môn Khoáng thạch và ĐH	1 x	1.000.000	=	1.000.000	8 x	300.000	=	2.400.000					800.000	4.200.000
	Bộ môn TK Thăm dò	2 x	1.000.000	=	2.000.000	7 x	300.000	=	2.100.000					800.000	4.900.000
	Bộ môn Khoáng sản	1 x	1.000.000	=	1.000.000	2 x	300.000	=	600.000					800.000	2.400.000
	Bộ môn Địa chất	3 x	1.000.000	=	3.000.000	3 x	300.000	=	900.000					800.000	4.700.000
	Bộ môn Địa chất Biển					3 x	300.000	=	900.000					800.000	1.700.000
	Bộ môn Nguyên liệu khoáng					3 x	300.000	=	900.000					800.000	1.700.000
	Bộ môn Địa chất thủy văn	2 x	1.000.000	=	2.000.000	6 x	300.000	=	1.800.000					800.000	4.600.000
	Bộ môn Địa chất Công trình	2 x	1.000.000	=	2.000.000	10 x	300.000	=	3.000.000					800.000	5.800.000
24	Khoa Môi trường													800.000	800.000
	VP khoa														
	Bộ môn Địa sinh thái	2 x	1.000.000	=	2.000.000	9 x	300.000	=	2.700.000	1 x	200.000	200.000		800.000	5.700.000
	Bộ môn Môi trường cơ sở	1 x	1.000.000	=	1.000.000	2 x	300.000	=	600.000	1 x	200.000	200.000		800.000	2.600.000
	Bộ môn Kỹ thuật môi trường	1 x	1.000.000	=	1.000.000	2 x	300.000	=	600.000					800.000	2.400.000
25	Khoa Xây dựng														
	VP khoa														
	Bộ môn XD CT ngầm & Mỏ	4 x	1.000.000	=	4.000.000	6 x	300.000	=	1.800.000					800.000	6.600.000
	Bộ môn Kỹ thuật xây dựng	1 x	1.000.000	=	1.000.000	3 x	300.000	=	900.000						1.900.000
	Bộ môn xây dựng HT cơ sở					2 x	300.000	=	600.000						600.000
26	Khoa Mỏ													800.000	800.000
	Bộ môn khai thác Hàm lộ	2 x	1.000.000	=	2.000.000	11 x	300.000	=	3.300.000					800.000	6.100.000
	Bộ môn khai thác lộ thiên	3 x	1.000.000	=	3.000.000	10 x	300.000	=	3.000.000					800.000	6.800.000

DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐẠT DANH HIỆU CSTĐ CƠ SỞ

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Ghi chú
1	Đỗ Ngọc Anh	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
2	Lê Hải An	BM Địa vật lý	
3	Đặng Thị Thanh Trâm 1	BM Đường lối CM của ĐCSVN	
4	Đỗ Văn Bình	BM Địa sinh thái và CNMT	
5	Nguyễn Thế Vinh	BM Khoan - Khai thác	
6	Trần Đình Sơn	BM Cơ lý thuyết	
7	Bùi Xuân Nam	BM Khai thác lộ thiên	
8	Nguyễn Quang Khánh	BM Tin học Trắc địa	
9	Hoàng Văn Long	Phòng KH, CN và HTQT	
10	Nguyễn Văn Lâm	BM Địa chất thủy văn	
11	Lương Quang Khang	BM Tìm kiếm thăm dò	
12	Trần Thùy Dương	BM Địa chính	
13	Triệu Hùng Trường	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
14	Trần Thanh Hải	BM Địa chất	
15	Nguyễn Đức Khoát	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
16	Nguyễn Duy Lạc	BM Kế toán DN	
17	Đỗ Hữu Tùng	BM QTDN Địa chất - DK	
18	Lê Văn Hưng	BM Công nghệ phần mềm	
19	Dương Thúy Hường 2	BM Ngoại ngữ	
20	Nguyễn Văn Sáng	BM Trắc địa cao cấp	
21	Nhữ Thị Kim Dung 3	BM Tuyển khoáng	
22	Nguyễn Quang Minh	Phòng KH, CN và HTQT	
23	Lê Đức Vinh	BM Thiết bị DK & CT	
24	Trần Xuân Trường	BM Đo ảnh và Viễn thám	
25	Nguyễn Tiến Dũng	BM Tìm kiếm thăm dò	
26	Nguyễn Hoàng Sơn	BM Tuyển khoáng	
27	Lê Thanh Huệ 4	BM Tin học Kinh tế	
28	Nguyễn Văn Bưởi	BM Kinh tế cơ sở	
29	Nguyễn Anh Dũng	BM Lọc - Hóa dầu	
30	Nguyễn Thị Lan Hương 5	BM Toán	
31	Vũ Kim Thư 6	BM Hóa	
32	Trần Văn Anh 7	BM Đo ảnh và Viễn thám	
33	Lê Hồng Anh	BM Tin học Mỏ	
34	Khổng Cao Phong	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
35	Phan Thiên Hương 8	BM Địa vật lý	
36	Tổng Thị Thanh Hương 9	BM Lọc - Hóa dầu	
37	Bùi Ngọc Quý	BM Trắc địa Bản đồ	
38	Phạm Văn Hòa	BM Khai thác lộ thiên	
39	Võ Trọng Hùng	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
40	Nguyễn Quốc Phi	BM Môi trường cơ sở	
41	Công Tiến Dũng	BM Hóa	
42	Lê Đức Tình	BM Trắc địa công trình	
43	Nguyễn Quốc Long	BM Trắc địa Mỏ	
44	Trần Thị Lan Hương 10	BM Nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lê nin	
45	Đặng Văn Kiên	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
46	Đào Việt Đoàn	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
47	Nguyễn Xuân Mẫn	BM Kỹ thuật xây dựng	
48	Lê Tiến Dũng	BM Khoáng thạch và ĐH	
49	Lê Thị Thu 11	BM Khoáng sản	
50	Đào Đức Bằng	BM Địa chất thủy văn	
51	Đỗ Minh Toàn	BM Địa chất công trình	

52	Tô Xuân Vu	BM Địa chất công trình	
53	Nguyễn Quốc Hưng	BM Địa chất	
54	Bùi Thị Thu Hiền 12	BM Địa chất	
55	Đặng Văn Chí	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
56	Đinh Văn Thắng	BM Kỹ thuật điện - ĐT	
57	Trần Bá Trung	BM Máy và TB Mỏ	
58	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hóa	
59	Hồ Việt Bun	BM Điện khí hóa	
60	Nguyễn Hoàng Nam	BM Kỹ thuật Môi trường	
61	Trần Thị Thu Hương 13	BM Địa sinh thái và CNMT	
62	Lưu Thị Thu Hà 14	BM Kế toán DN	
63	Đồng Thị Bích 15	BM QTDN Mỏ	
64	Phạm Kiên Trung	BM QTDN Mỏ	
65	Nguyễn Trần Tuấn	BM Khoan - Khai thác	
66	Phạm Xuân Núi	BM Lọc - Hóa dầu	
67	Bùi Thị Lệ Thuý 16	BM Lọc - Hóa dầu	
68	Hoàng Anh Dũng	BM Thiết bị DK & CT	
69	Nguyễn Thanh Tuấn	BM Thiết bị DK & CT	
70	Nguyễn Thị Minh Hồng 17	BM Địa chất dầu khí	
71	Nguyễn Duy Mười	BM Địa chất dầu khí	
72	Lê Thị Duyên 18	BM Hóa	
73	Thái Việt Hưng	BM Giáo dục thể chất	
74	Lê Đắc Tuyên	BM Vật lý	
75	Đỗ Thị Hồng Hải 19	BM Vật lý	
76	Trần Khánh	BM Trắc địa công trình	
77	Nguyễn Quang Thắng	BM Trắc địa công trình	
78	Nguyễn Quang Phúc	BM Trắc địa công trình	
79	Đinh Thị Lệ Hà 20	BM Trắc địa công trình	
80	Phạm Thị Kim Thoa 21	BM Địa chính	
81	Trần Xuân Miến	BM Địa chính	
82	Dương Văn Phong	BM Trắc địa cao cấp	
83	Nguyễn Văn Trung	BM Đo ảnh và Viễn thám	
84	Trần Thanh Hà 22	BM Đo ảnh và Viễn thám	
85	Lê Văn Cảnh	BM Trắc địa Mỏ	
86	Phạm Công Khải	BM Trắc địa Mỏ	
87	Lưu Anh Tuấn	BM Trắc địa PT & SS	
88	Lê Ngọc Giang	BM Trắc địa PT & SS	
89	Trần Quang Hiếu	BM Khai thác lộ thiên	
90	Bùi Mạnh Tùng	BM Khai thác hầm lò	
91	Đặng Quang Hưng	BM Khai thác hầm lò	
92	Phạm Văn Luận	BM Tuyển khoáng	
93	Phạm Thị Nguyệt 23	BM Tin học Kinh tế	
94	Nguyễn Thế Bình	BM Tin học Kinh tế	
95	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo Đại học	
96	Phạm Thị Phương Chi 24	Phòng Tài vụ	
97	Nguyễn Thị Thúy Hằng 25	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
98	Hà Thị Liễu 26	Phòng Tổ chức - Cán bộ	

DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐẠT DANH HIỆU LAO ĐỘNG TIỀN TIẾN

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Ghi chú
1	Nguyễn Bình Yên	BM Pháp luật	
2	Nguyễn Thị Phương	BM Nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lê nin	
3	Phí Mạnh Phong	BM Nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lê nin	
4	Lê Quốc Hiệp	BM Đường lối CM của ĐCSVN	
5	Nguyễn Thị Thu Hương 27	BM Đường lối CM của ĐCSVN	
6	Đào Văn Canh	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
7	Ngô Doãn Hào	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
8	Phạm Thị Yên 28	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
9	Đặng Trung Thành	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
10	Trần Tuấn Minh	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
11	Nguyễn Tài Tiến	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
12	Tạ Đức Thịnh	BM Xây dựng HTCS	
13	Nguyễn Trọng Dũng	BM Xây dựng HTCS	
14	Nguyễn Văn Mạnh	BM Kỹ thuật XD	
15	Đặng Văn Phi	BM Kỹ thuật XD	
16	Lê Tuấn Anh	BM Kỹ thuật XD	
17	Nguyễn Khắc Giảng	BM Khoáng thạch và ĐH	
18	Phạm Thị Vân Anh 29	BM Khoáng thạch và ĐH	
19	Lê Thanh Mỹ	BM Khoáng thạch và ĐH	
20	Hà Thành Như	BM Khoáng thạch và ĐH	
21	Phạm Trường Sinh	BM Khoáng thạch và ĐH	
22	Nguyễn Trung Thành	BM Khoáng thạch và ĐH	
23	Đặng Thị Vinh 30	BM Khoáng thạch và ĐH	
24	Lê Thị Ngọc Tú 31	BM Khoáng thạch và ĐH	
25	Trần Bình Chư	BM Khoáng sản	
26	Nguyễn Quang Luật	BM Khoáng sản	
27	Kiều Thị Vân Anh 32	BM Địa chất thủy văn	
28	Dương T Thanh Thủy 33	BM Địa chất thủy văn	
29	Trần Vũ Long	BM Địa chất thủy văn	
30	Trần Quang Tuấn	BM Địa chất thủy văn	
31	Nguyễn Bách Thảo	BM Địa chất thủy văn	
32	Nguyễn Thị Thanh Thủy 34	BM Địa chất thủy văn	
33	Nguyễn Viết Tình	BM Địa chất công trình	
34	Phạm Minh Tuấn	BM Địa chất công trình	
35	Nguyễn Thị Nụ 35	BM Địa chất công trình	
36	Phùng Hữu Hải	BM Địa chất công trình	
37	Vũ Thái Linh	BM Địa chất công trình	
38	Dương Văn Bình	BM Địa chất công trình	
39	Nguyễn Ngọc Dũng	BM Địa chất công trình	
40	Nhữ Việt Hà	BM Địa chất công trình	
41	Bùi Trường Sơn	BM Địa chất công trình	
42	Nguyễn Văn Phóng	BM Địa chất công trình	
43	Tạ Thị Toán 36	BM Nguyên liệu khoáng	
44	Nguyễn Văn Lâm	BM Nguyên liệu khoáng	
45	Nguyễn Thị Thanh Thảo 37	BM Nguyên liệu khoáng	
46	Nguyễn Trọng Toàn	BM Tìm kiếm thăm dò	
47	Phan Việt Sơn	BM Tìm kiếm thăm dò	
48	Khuông Thế Hùng	BM Tìm kiếm thăm dò	
49	Trần Thị Vân Anh 38	BM Tìm kiếm thăm dò	
50	Đỗ Mạnh An	BM Tìm kiếm thăm dò	
51	Bùi Thanh Tịnh	BM Tìm kiếm thăm dò	
52	Bùi Hoàng Bắc	BM Tìm kiếm thăm dò	
53	Ngô Xuân Thành	BM Địa chất	
54	Vũ Anh Đạo	BM Địa chất	
55	Lê Minh Hiếu	BM Địa chất	
56	Nguyễn Hữu Hiệp	BM Địa chất biển	
57	Ngô Thị Kim Chi	BM Địa chất biển	
58	Đào Văn Nghiêm	BM Địa chất biển	
59	Hồ Thanh Bình	Văn phòng khoa	
60	Vũ Thị Hiền	Bảo tàng Địa chất	
61	Phan Minh Tạo	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
62	Phạm Minh Hải	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
63	Phạm Thanh Loan	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
64	Đào Hiếu	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
65	Nguyễn Thế Lực	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
66	Nguyễn Chí Tình	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
67	Nguyễn Tiến Sỹ	BM Kỹ thuật điện - ĐT	
68	Nguyễn Thạc Khánh	BM Kỹ thuật điện - ĐT	
69	Kim Ngọc Linh	BM Kỹ thuật điện - ĐT	
70	Nguyễn Văn Xô	BM Máy và TB Mỏ	

71	Đoàn Văn Giáp	BM Máy và TB Mỏ	
72	Vũ Nam Ngạn	BM Máy và TB Mỏ	
73	Nguyễn Thế Hoàng	BM Máy và TB Mỏ	
74	Trần Việt Linh	BM Máy và TB Mỏ	
75	Nguyễn Thanh Tùng	BM Kỹ thuật cơ khí	
76	Lê Quang Thịnh	BM Kỹ thuật cơ khí	
77	Bùi Minh Hoàng	BM Kỹ thuật cơ khí	
78	Phạm Đức Thiên	BM Kỹ thuật cơ khí	
79	Nguyễn Duy Chính	BM Kỹ thuật cơ khí	
80	Lê Xuân Thành	BM Điện khí hóa	
81	Nguyễn Anh Nghĩa	BM Điện khí hóa	
82	Ngô Thanh Tuấn	BM Điện khí hóa	
83	Nguyễn T Bích Hậu	BM Điện khí hóa	
84	Bùi Thị Thu Hiền	BM Điện khí hóa	
85	Lê Văn Tuấn	BM Điện khí hóa	
86	Đỗ Như Ý	BM Điện khí hóa	
87	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hóa	
88	Bùi Đình Thanh	BM Điện khí hóa	
89	Phan Quang Văn	BM Kỹ thuật Môi trường	
90	Đào Đình Thuận	BM Kỹ thuật Môi trường	
91	Đỗ Văn Nhuận	BM Môi trường cơ sở	
92	Nguyễn Phương	BM Môi trường cơ sở	
93	Nguyễn Quang Minh	BM Địa sinh thái và CNMT	
94	Vũ T Phương Thảo	BM Địa sinh thái và CNMT	
95	Trần T Thanh Thủy	BM Địa sinh thái và CNMT	
96	Nguyễn Mai Hoa	BM Địa sinh thái và CNMT	
97	Đỗ Thị Hải	BM Địa sinh thái và CNMT	
98	Đỗ Cao Cường	BM Địa sinh thái và CNMT	
99	Trần Hồng Hà	BM Địa sinh thái và CNMT	
100	Trần Thị Kim Hà	BM Địa sinh thái và CNMT	
101	Phạm Khánh Huy	BM Địa sinh thái và CNMT	
102	Phạm Thị Hồng Hạnh	BM Kế toán DN	
103	Nguyễn T Bích Phương	BM Kế toán DN	
104	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán DN	
105	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán DN	
106	Phạm Minh Hải	BM Kế toán DN	
107	Phạm Thu Hương	BM Kế toán DN	
108	Lê Thị Thu Hồng	BM Kế toán DN	
109	Nguyễn T Huyền Trang	BM Kế toán DN	
110	Vũ Ngọc Thịnh	BM Kế toán DN	
111	Phan Minh Quang	BM Kế toán DN	
112	Nguyễn Minh Thu	BM Kế toán DN	
113	Phí Thị Kim Thư	BM Kế toán DN	
114	Bùi Thị Thu Thủy	BM Kế toán DN	
115	Nguyễn Thị Bích Ngọc	BM Kinh tế cơ sở	
116	Trần Anh Dũng	BM Kinh tế cơ sở	
117	Phí Mạnh Cường	BM Kinh tế cơ sở	
118	Vũ Diệp Anh	BM Kinh tế cơ sở	
119	Đặng Huy Thái	BM QTDN Mỏ	
120	Nguyễn Thị Hoài Nga	BM QTDN Mỏ	
121	Nguyễn Ngọc Khánh	BM QTDN Mỏ	
122	Đào Anh Tuấn	BM QTDN Mỏ	
123	Lê Thị Thu Hường	BM QTDN Mỏ	
124	Nguyễn Đức Thắng	BM QTDN Mỏ	
125	Nguyễn Thị Hường	BM QTDN Mỏ	
126	Lê Đình Chiêu	BM QTDN Mỏ	
127	Lê Văn Chiên	BM QTDN Mỏ	
128	Nguyễn Văn Thương	BM QTDN Mỏ	
129	Phan Thị Thái	BM QTDN Địa chất - DK	
130	Nguyễn Thị Kim Ngân	BM QTDN Địa chất - DK	
131	Nguyễn Đức Thành	BM QTDN Địa chất - DK	
132	Nguyễn Thu Hà	BM QTDN Địa chất - DK	
133	Phạm Ngọc Tuấn	BM QTDN Địa chất - DK	
134	Kim Mạnh Tuấn	BM QTDN Địa chất - DK	
135	Nguyễn Văn Thịnh	BM QTDN Địa chất - DK	
136	Nguyễn Thanh Thủy	BM QTDN Địa chất - DK	
137	Trương Thị Chính	BM Địa vật lý	
138	Trần Quang Trung	BM Địa vật lý	
139	Phan Thị Hồng	BM Địa vật lý	
140	Phạm Ngọc Kiên	BM Địa vật lý	
141	Trần Đình Kiên	BM Khoan - Khai thác	
142	Lê Quang Duyệt	BM Khoan - Khai thác	
143	Hồ Quốc Hoa	BM Khoan - Khai thác	

144	Vũ Thiết Thạch	BM Khoan - Khai thác	
145	Lê Văn Nam	BM Khoan - Khai thác	
146	Nguyễn Văn Thành	BM Khoan - Khai thác	
147	Tổng Trần Anh	BM Khoan - Khai thác	
148	Công Ngọc Thắng	BM Lọc - Hóa dầu	
149	Nguyễn Thị Linh	BM Lọc - Hóa dầu	
150	Nguyễn Mai Hà	BM Lọc - Hóa dầu	
151	Trần Ngọc Tuấn	BM Lọc - Hóa dầu	
152	Đào Thị Uyên	BM Thiết bị DK & CT	
153	Nguyễn Văn Giáp	BM Thiết bị DK & CT	
154	Nguyễn T Thu Hằng	BM Địa chất dầu khí	
155	Bùi Thị Ngân	BM Địa chất dầu khí	
156	Lê Ngọc Anh	BM Địa chất dầu khí	
157	Nguyễn Minh Mẫn	BM Toán	
158	Nguyễn Văn Ngọc	BM Toán	
159	Tô Văn Đình	BM Toán	
160	Nguyễn Thị Hằng	BM Toán	
161	Đào Xuân Hưng	BM Toán	
162	Nguyễn Trường Thanh	BM Toán	
163	Phạm Tuấn Cường	BM Toán	
164	Phạm Ngọc Anh	BM Toán	
165	Nguyễn Thị Kim Sơn	BM Toán	
166	Hoàng Ngự Huân	BM Toán	
167	Hà Hữu Cao Trình	BM Toán	
168	Lê Bích Phượng	BM Toán	
169	Nguyễn T Thu Hiền	BM Hóa	
170	Võ Thị Hạnh	BM Hóa	
171	Hà Mạnh Hùng	BM Hóa	
172	Nguyễn Đình Độ	BM Hóa	
173	Đỗ Thị Hải	BM Hóa	
174	Lê Thị Vinh	BM Hóa	
175	Nguyễn Viết Hùng	BM Hóa	
176	Lê Thị Phương Thảo	BM Hóa	
177	Vũ Thị Minh Hồng	BM Hóa	
178	Lê Thị Thanh Hằng	BM Hình họa	
179	Trần Hồng Hải	BM Hình họa	
180	Vũ Hữu Tuyên	BM Hình họa	
181	Hoàng Văn Tài	BM Hình họa	
182	Trần Thị Trâm	BM Cơ lý thuyết	
183	Phạm Ngọc Chung	BM Cơ lý thuyết	
184	Đinh Công Đạt	BM Cơ lý thuyết	
185	Bùi Thị Thúy	BM Cơ lý thuyết	
186	Trương T. Thanh Thủy	BM Ngoại ngữ	
187	Nguyễn T. Mai Hương	BM Ngoại ngữ	
188	Đỗ Kim Phương	BM Ngoại ngữ	
189	Nguyễn T. Mộng Lương	BM Ngoại ngữ	
190	Nguyễn Khắc Anh Vũ	BM Giáo dục thể chất	
191	Lương Anh Hùng	BM Giáo dục thể chất	
192	Lã Ngọc Linh	BM Giáo dục thể chất	
193	Lê Viết Tuấn	BM Giáo dục thể chất	
194	Nguyễn Trường Đông	BM Giáo dục thể chất	
195	Nguyễn Huy Thông	BM Giáo dục thể chất	
196	Đỗ Tiến Thiết	BM Giáo dục thể chất	
197	Chu Thị Hồng Hạnh	BM Giáo dục thể chất	
198	Nguyễn Quang Huy	BM Giáo dục thể chất	
199	Lê Văn Nam	BM Giáo dục thể chất	
200	Dư Thị Xuân Thảo	BM Vật lý	
201	Nguyễn Thị Diệu Thu	BM Vật lý	
202	Hồ Quỳnh Anh	BM Vật lý	
203	Nguyễn Mạnh Hùng	BM Vật lý	
204	Phạm Thị Trang	BM Vật lý	
205	Tổng Bá Tuấn	BM Vật lý	
206	Trần Thị Hà	BM Vật lý	
207	Đào Việt Thắng	BM Vật lý	
208	Nguyễn Thị Hậu	BM Vật lý	
209	Đinh Văn Thiên	BM Vật lý	
210	Vũ Bá Dũng	BM Vật lý	
211	Nguyễn Việt Hà	BM Trắc địa công trình	
212	Phạm Quốc Khánh	BM Trắc địa công trình	
213	Lê Trọng Thắng	BM Địa chất công trình	
214	Trần Viết Tuấn	BM Trắc địa công trình	
215	Hoàng T Minh Hương	BM Trắc địa công trình	
216	Nguyễn Hà	BM Trắc địa công trình	

217	Nguyễn Thế Công	BM Địa chính	
218	Nguyễn Thị Kim Yên	BM Địa chính	
219	Phạm Thế Huynh	BM Địa chính	
220	Nguyễn Thị Dung	BM Địa chính	
221	Đặng Thị Hoàng Nga	BM Địa chính	
222	Đinh Hải Nam	BM Địa chính	
223	Phùng Minh Sơn	BM Địa chính	
224	Nguyễn Gia Trọng	BM Trắc địa cao cấp	
225	Đặng Nam Chinh	BM Trắc địa cao cấp	
226	Lê Minh Tá	BM Trắc địa cao cấp	
227	Vũ Văn Trí	BM Trắc địa cao cấp	
228	Vũ Đình Toàn	BM Trắc địa cao cấp	
229	Lê Thị Thanh Tâm	BM Trắc địa cao cấp	
230	Phạm Ngọc Quang	BM Trắc địa cao cấp	
231	Phạm Vọng Thành	BM Đo ảnh và Viễn thám	
232	Trần Đình Trí	BM Đo ảnh và Viễn thám	
233	Phạm Hà Thái	BM Đo ảnh và Viễn thám	
234	Trần Trung Anh	BM Đo ảnh và Viễn thám	
235	Lê Thu Trang	BM Đo ảnh và Viễn thám	
236	Nguyễn Minh Hải	BM Đo ảnh và Viễn thám	
237	Phạm T Thanh Hòa	BM Đo ảnh và Viễn thám	
238	Trần Phương Ly	BM Đo ảnh và Viễn thám	
239	Lê Thị Thu Hà	BM Trắc địa Mỏ	
240	Phạm Thị Làn	BM Trắc địa Mỏ	
241	Võ Ngọc Dũng	BM Trắc địa Mỏ	
242	Nguyễn Viết Nghĩa	BM Trắc địa Mỏ	
243	Phạm Văn Chung	BM Trắc địa Mỏ	
244	Đinh Công Hòa	BM Trắc địa PT & SS	
245	Phạm Thanh Thảo	BM Trắc địa PT & SS	
246	Hoàng Thị Thùy	BM Trắc địa PT & SS	
247	Nguyễn T Thu Hương	BM Trắc địa PT & SS	
248	Lã Phú Hiền	BM Trắc địa PT & SS	
249	Hoàng Anh Tuấn	BM Trắc địa PT & SS	
250	Trần Anh Tuấn	BM Trắc địa PT & SS	
251	Đỗ Thị Phương Thảo	BM Trắc địa Bản đồ	
252	Trần Quỳnh An	BM Trắc địa Bản đồ	
253	Trần Thị Tuyết Vinh	BM Trắc địa Bản đồ	
254	Nguyễn Danh Đức	BM Trắc địa Bản đồ	
255	Lê Văn Quyên	BM Khai thác lộ thiên	
256	Vũ Đình Hiếu	BM Khai thác lộ thiên	
257	Nguyễn Anh Tuấn	BM Khai thác lộ thiên	
258	Nguyễn Hoàng	BM Khai thác lộ thiên	
259	Lê Thị Thu Hoa	BM Khai thác lộ thiên	
260	Nguyễn Đình An	BM Khai thác lộ thiên	
261	Lê Quý Thảo	BM Khai thác lộ thiên	
262	Phạm Văn Việt	BM Khai thác lộ thiên	
263	Lê Thị Minh Hạnh	BM Khai thác lộ thiên	
264	Lê Thị Hải	BM Khai thác lộ thiên	
265	Đỗ Anh Sơn	BM Khai thác hầm lò	
266	Đặng Vũ Chí	BM Khai thác hầm lò	
267	Nguyễn Cao Khải	BM Khai thác hầm lò	
268	Vũ Trung Tiến	BM Khai thác hầm lò	
269	Nguyễn Văn Thịnh	BM Khai thác hầm lò	
270	Trần Văn Thanh	BM Khai thác hầm lò	
271	Lê Quang Phục	BM Khai thác hầm lò	
272	Phạm Đức Hưng	BM Khai thác hầm lò	
273	Đào Văn Chi	BM Khai thác hầm lò	
274	Nguyễn Phi Hùng	BM Khai thác hầm lò	
275	Nguyễn Văn Quang	BM Khai thác hầm lò	
276	Nguyễn Ngọc Phú	BM Tuyển khoáng	
277	Trần Trung Tới	BM Tuyển khoáng	
278	Phạm Hữu Giang	BM Tuyển khoáng	
279	Phùng Tiến Thuật	BM Tuyển khoáng	
280	Vũ Thị Chinh	BM Tuyển khoáng	
281	Phạm Tuấn Long	BM Sức bền vật liệu	
282	Dương Đức Hùng	BM Sức bền vật liệu	
283	Trần Mạnh Tiến	BM Sức bền vật liệu	
284	Đỗ Ngọc Tú	BM Sức bền vật liệu	
285	Bùi Thị Thuyết	BM Sức bền vật liệu	
286	Đinh Thị Thu Hà	BM Sức bền vật liệu	
287	Phạm Văn Đồng	BM Công nghệ phần mềm	
288	Nguyễn T Hữu Phương	BM Công nghệ phần mềm	
289	Hồ Thị Thảo Trang	BM Công nghệ phần mềm	

290	Nguyễn Thị Thanh	BM Công nghệ phần mềm	
291	Hoàng Anh Đức	BM Công nghệ phần mềm	
292	Bùi Thị Vân Anh	BM Tin học cơ bản	
293	Đào Thị Thu Vân	BM Tin học cơ bản	
294	Dương Chí Thiện	BM Tin học cơ bản	
295	Đặng Quốc Trung	BM Tin học cơ bản	
296	Trần Thị Thu Thủy	BM Mạng máy tính	
297	Đỗ Như Hải	BM Mạng máy tính	
298	Đặng Hữu Nghị	BM Tin học cơ bản	
299	Vũ Lan Phương	BM Tin học cơ bản	
300	Trương Xuân Luận	BM Tin học Địa chất	
301	Dương Thị Tâm	BM Tin học Địa chất	
302	Nguyễn Thị Hải Yến	BM Tin học Địa chất	
303	Dương T.H. Thanh	BM Tin học Kinh tế	
304	Nguyễn Thu Hằng	BM Tin học Kinh tế	
305	Phạm Quang Hiến	BM Tin học Kinh tế	
306	Nguyễn T Phương Bắc	BM Tin học Mỏ	
307	Đặng Văn Nam	BM Tin học Mỏ	
308	Nông Thị Oanh	BM Tin học Mỏ	
309	Nguyễn Trường Xuân	BM Tin học Trắc địa	
310	Nguyễn T Mai Dung	BM Tin học Trắc địa	
311	Trần Trung Chuyên	BM Tin học Trắc địa	
312	Ngô T Phương Thảo	BM Tin học Trắc địa	
313	Phạm Hữu Lợi	Phòng TN Địa tin học	
314	Nguyễn Văn Quảng	BM Đường lối quân sự	
315	Nguyễn T Ngọc Dung	Phòng KH, CN và HTQT	
316	Nguyễn Thanh Hải	Phòng KH, CN và HTQT	
317	Hoàng Thu Hằng	Phòng KH, CN và HTQT	
318	Phạm Đức Nghiệp	Phòng KH, CN và HTQT	
319	Nguyễn T Phương Thảo	Phòng KH, CN và HTQT	
320	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo Đại học	
321	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo Đại học	
322	Phạm Văn Tuấn	Phòng Đào tạo Đại học	
323	Nguyễn Thu Hà	Phòng Công tác sinh viên	
324	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác sinh viên	
325	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phòng Công tác sinh viên	
326	Phạm Thị Việt Nga	Phòng Công tác sinh viên	
327	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Tài vụ	
328	Quách Thị Nhíp	Phòng Tài vụ	
329	Nguyễn T P Thảo A	Phòng Tài vụ	
330	Nguyễn Thị Vân	Phòng Đào tạo Sau Đại học	
331	Phạm Ngọc Hà	Phòng Đào tạo Sau Đại học	
332	Nguyễn Hồng Hải Yến	Phòng Quản trị - Thiết bị	
333	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng QT-TB	
334	Nguyễn Gia Khuê	Ban Quản lý các dự án	
335	Vũ Duy Tân	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
336	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
337	Đoàn N T Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
338	Phạm Tô Uyên	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
339	Đặng Thị Hằng Nga	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
340	Đỗ Thúy Mai	Phòng Y tế	
341	Nguyễn Kim Chung	Phòng Công tác CT - TT	
342	Nguyễn Hồng Trường	Trung tâm TT- Thư viện	
343	Nguyễn Thị Hải Yến	Trung tâm TT- Thư viện	
344	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	Trung tâm NN-TH	
345	Nguyễn Tuấn Anh	Trung tâm NN-TH	
346	Phạm Trường Sơn	Phòng Bảo vệ	
347	Hoàng Văn Sinh	Phòng Bảo vệ	
348	Phạm Quang Ba	TT Hỗ trợ sinh viên	
349	Dương Thị Tuyết Nhung	Phòng Hành chính - TH	
350	Nguyễn Thị Bắc	Phòng Hành chính - TH	
351	Phạm Quốc Đàm	BM Đường lối quân sự	
352	Trần Văn Độ	BM Đường lối quân sự	
353	Trần Bắc Bộ	BM Đường lối quân sự	
354	Hoàng Xuân Trường	BM Đường lối quân sự	
355	Bùi Minh Hồng	BM Kỹ thuật quân sự	
356	Vũ Quang Hay	BM Kỹ thuật quân sự	

Danh sách cá nhân đề nghị Hiệu trưởng tặng GK

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1	Phạm Thanh Loan	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
2	Uông Quang Tuyến	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
3	Nguyễn Thế Lực	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
4	Kim Ngọc Linh	BM Kỹ thuật điện - ĐT	
5	Nguyễn Thạc Khánh	BM Kỹ thuật điện - ĐT	
6	Nguyễn Văn Xô	BM Máy và TB Mỏ	
7	Đặng Vũ Đình	BM Máy và TB Mỏ	
8	Trần Việt Linh	BM Máy và TB Mỏ	
9	Phạm Đức Thiên	BM Kỹ thuật cơ khí	
10	Nguyễn Thanh Tùng	BM Kỹ thuật cơ khí	
11	Bùi Đình Thanh	BM Điện khí hóa	
12	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hóa	
13	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hóa	
14	Ngô Thanh Tuấn	BM Điện khí hóa	
15	Nguyễn Thị Bích Hậu	BM Điện khí hóa	
16	Bùi Thị Thu Hiền	BM Điện khí hóa	
17	Nguyễn Quốc Phi	BM Môi trường cơ sở	
18	Vũ Thị Phương Thảo	BM Địa sinh thái và CNMT	
19	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán DN	
20	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán DN	
21	Nguyễn Thị Bích Ngọc	BM Kinh tế cơ sở	
22	Vũ Diệp Anh	BM Kinh tế cơ sở	
23	Đặng Huy Thái	BM QTDN Mỏ	
24	Nguyễn Thị Hoài Nga	BM QTDN Mỏ	
25	Nguyễn Thanh Thủy	BM QTDN Địa chất - DK	
26	Đinh Thị Lệ Hà	BM Trắc địa công trình	
27	Đỗ Thị Phương Thảo	BM Trắc địa Bản đồ	
28	Lê Văn Hưng	BM Công nghệ phần mềm	
29	Lê Hồng Anh	BM Tin học Mỏ	

DANH SÁCH TT LAO ĐỘNG TIỀN TIỀN

Stt	Tên đơn vị	Ghi chú
1	Bộ môn Xây dựng CT Ngầm & Mỏ	
2	Khoa Khoa học và KT Địa chất	
3	Bộ môn Khoáng sản	
4	Bộ môn Địa chất	
5	Bộ môn Địa chất thủy văn	
6	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	
7	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	
8	Bộ môn Địa chất biển	
9	Bộ môn Nguyên liệu khoáng	
10	Bộ môn Địa chất công trình	
11	Khoa Cơ - Điện	
12	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ và DK	
13	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	
14	Bộ môn Máy và Thiết bị Mỏ	
15	Bộ môn Điện khí hóa	
16	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	
17	Khoa Môi trường	
18	Bộ môn Địa sinh thái	
19	Bộ môn Môi trường cơ sở	
20	Bộ môn Kỹ thuật môi trường	
21	Khoa Kinh tế- QTKD	
22	Bộ môn Quản trị doanh nghiệp Mỏ	
23	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	
24	Bộ môn QTDN Địa chất - Dầu khí	
25	Khoa Dầu khí	
26	Bộ môn Địa chất dầu khí	
27	Bộ môn Địa vật lý	
28	Bộ môn Khoan - Khai thác	
29	Bộ môn Lọc - Hóa dầu	
30	Bộ môn Thiết bị Dầu khí và CT	
31	Khoa Khoa học cơ bản	
32	Bộ môn Toán	
33	Bộ môn Lý	
34	Bộ môn Hóa	
35	Bộ môn Hình họa	
36	Bộ môn Giáo dục thể chất	
37	Bộ môn Cơ lý thuyết	
38	Khoa Trắc địa - BĐ & QLDD	
39	Bộ môn Bản đồ	
40	Bộ môn Trắc địa PT & SS	
41	Bộ môn Trắc địa công trình	
42	Bộ môn Đo ảnh và viễn thám	
43	Bộ môn Trắc địa Mỏ	
44	Bộ môn Địa chính	
45	Bộ môn Trắc địa cao cấp	
46	Tổ máy Trắc địa	
47	Khoa Mỏ	
48	Bộ môn Khai thác hầm lò	
49	Bộ môn Khai thác lộ thiên	
50	Bộ môn Tuyển khoáng	
51	Bộ môn Sức bền vật liệu	
52	Bộ môn Tin học Trắc địa	
53	Bộ môn Tin học Địa chất	
54	Bộ môn Công nghệ phần mềm	
55	Bộ môn Mạng máy tính	
56	Bộ môn Tin học Mỏ	
57	Bộ môn Tin học Kinh tế	
58	Phòng TN Địa tin học	
59	Phòng Khoa học, CN và HTQT	
60	Phòng Đào tạo Đại học	
61	Phòng Công tác sinh viên	
62	Phòng Tài vụ	
63	Phòng Đào tạo Sau đại học	
64	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
65	BM Đường lối quân sự	